

Số: 290/TB-YDHP

Hải Phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I
năm 2026 đợt 1

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tuyển sinh Sau đại học trình độ đào tạo Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I năm 2026 đợt 1 như sau:

1. Hình thức và thời gian đào tạo, chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh

1.1. Hình thức, thời gian đào tạo:

1.1.1. Hình thức tuyển sinh:

- Đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II: thi tuyển

1.1.2. Thời gian đào tạo:

- Đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II: tập trung 2 năm .

1.2. Chuyên ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Chỉ tiêu năm 2026
I	Chuyên khoa cấp I	
1	Chẩn đoán hình ảnh	44
2	Da liễu	54
3	Điều dưỡng	200
4	Dược lý và dược lâm sàng	50
5	Gây mê hồi sức	31
6	Hộ Sinh	19
7	Hoá sinh	10
8	Hồi sức cấp cứu	30
9	Lao	10
10	Mắt	7
11	Ngoại khoa	32
12	Nhi khoa	38
13	Nội khoa	42
14	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	51
15	Phục hồi chức năng	22
16	Răng Hàm Mặt	96
17	Sản phụ khoa	33
18	Tai Mũi Họng	22
19	Tâm thần	33
20	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	20

STT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Chỉ tiêu năm 2026
21	Ung thư	19
22	Xét nghiệm y học	48
23	Y học cổ truyền	44
24	Y học dự phòng	26
25	Y học gia đình	19
26	Y tế công cộng	24
	Tổng	1024
II	Chuyên khoa II	
1	Chẩn đoán hình ảnh	08
2	Gây mê hồi sức	15
3	Ngoại chấn thương chỉnh hình	
4	Ngoại khoa	59
5	Ngoại tiêu hóa	
6	Nhi Hô hấp	
7	Nhi khoa	40
8	Nhi Thận Tiết niệu	
9	Nội hô hấp	
10	Nội khoa	60
11	Nội tim mạch	
12	Quản Lý Y Tế	21
13	Răng Hàm Mặt	21
14	Sản phụ khoa	39
15	Tai mũi họng	6
16	Tâm thần	21
17	Y học cổ truyền	15
	Tổng	305
	Tổng chung	1329

2. Điều kiện dự thi/ dự tuyển, các môn thi tuyển/xét tuyển

2.1. Chuyên khoa cấp II

2.1.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

Thí sinh có bằng tốt nghiệp CKI hoặc BSNT hoặc thạc sỹ đăng ký dự thi CKII đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI, BSNT, thạc sỹ hoặc đăng ký dự thi CKII theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI hoặc BSNT hoặc thạc sỹ (Ví dụ: thí sinh có bằng CKI Nội khoa được đăng ký dự thi CKII Nội Tim mạch, Nội Tiêu hóa, Nội Hô hấp...). Đối tượng tuyển sinh chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế; Y tế công cộng, nếu văn bằng CKI, BSNT, văn bằng thạc sỹ không đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải có xác nhận

bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/Bộ môn trở lên.

b) Yêu cầu về thâm niên

Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp CKI hoặc BSNT hoặc thạc sỹ và có Giấy phép/chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với các ngành, chuyên ngành yêu cầu phải có Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh) theo quy định.

2.1.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn 1	Môn 2
1	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Ngoại ngữ
2	Nội khoa	Nội	Ngoại ngữ
3	Nội hô hấp	Nội	Ngoại ngữ
4	Nội tim mạch	Nội	Ngoại ngữ
5	Ngoại chấn thương chỉnh hình	Ngoại	Ngoại ngữ
6	Ngoại khoa	Ngoại	Ngoại ngữ
7	Ngoại tiêu hoá	Ngoại	Ngoại ngữ
8	Nhi khoa	Nhi	Ngoại ngữ
9	Quản lý y tế	Dịch tễ-TCQLYT	Ngoại ngữ
10	Sản Phụ khoa	Sản PK	Ngoại ngữ
11	Tâm thần	Tâm thần	Ngoại ngữ
12	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Ngoại ngữ
13	Nhi Hô hấp	Nhi Hô hấp	Ngoại ngữ
14	Nhi thận tiết niệu	Nhi thận tiết niệu	Ngoại ngữ
15	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ
16	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại ngữ
17	Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	Ngoại ngữ

Môn thi 2 (Ngoại ngữ): Thí sinh thi **tiếng Anh** ở trình độ B.

* Thí sinh được miễn thi Ngoại ngữ: Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo Dục & Đào tạo (quy định tại phụ lục 1).

* Thí sinh thuộc diện chính sách ưu tiên được xét miễn ngoại ngữ đầu vào, nếu trúng tuyển phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra là bậc 3 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc thi qua môn ngoại ngữ với đề thi đạt trình độ bậc 3 và có phần kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp.

TT	Đối tượng được xét miễn ngoại ngữ đầu vào	Minh chứng pháp lý
1	Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự; ▪ Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận công tác, quyết định phân công công tác hoặc hợp đồng lao động (sau tốt nghiệp Đại học/Sau đại học);
2	Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục (1) trong bảng này.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thường trú tại địa phương. ▪ Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).

2.2. Chuyên khoa cấp I

2.2.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành được đào tạo ở trình độ đại học (ngành/chuyên ngành phù hợp: cùng tên với ngành đào tạo ở trình độ đại học hoặc ngành tương ứng ở trình độ đại học). Đối với bác sỹ y học dự phòng được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

b) Yêu cầu về thâm niên

Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Đối với các ngành/chuyên ngành yêu cầu phải có Giấy phép hành nghề theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh: thí sinh chỉ được dự thi sau khi có giấy phép/chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

2.2.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
2	Y học cổ truyền	Sinh lý	Y học cổ truyền
3	Y học gia đình	Sinh lý	Y học gia đình
4	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
5	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
6	Xét nghiệm y học	Sinh lý	Xét nghiệm y học
7	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa
8	Ung thư	Giải phẫu	Ung thư
9	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa
10	Mắt/Nhãn khoa	Giải phẫu	Mắt
11	Tai Mũi Họng	Giải phẫu	Tai Mũi Họng
12	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	Răng Hàm Mặt
13	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
14	Điều dưỡng	Giải phẫu	Điều dưỡng
15	Y tế công cộng	Dịch tễ học	Tổ chức Quản lý y tế

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
16	Y học Dự phòng	Dịch tễ học	Y học dự phòng
17	Dược lý và dược lâm sàng	Dược động học	Dược lý
18	Da liễu	Sinh lý	Da liễu
19	Phục hồi chức năng	Giải phẫu	Phục hồi chức năng
20	Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ	Giải phẫu	Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ
21	Hộ sinh	Lãnh đạo và quản lý hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ
22	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
23	Hồi sức cấp cứu	Sinh lý	Nội khoa
24	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Vi sinh	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới
25	Lao	Sinh lý	Lao
26	Hóa sinh	Sinh lý	Hóa sinh

3. Hồ sơ tuyển sinh

3.1. Hồ sơ tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II.

STT	Hồ sơ	CKI	CKII
1	Bản sao công chứng bảng điểm , văn bằng đại học & sau đại học. Thí sinh tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài thì văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.	x	x
2	Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với trình độ, lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).	x	x
3	Bản sao công chứng Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các chuyên ngành tuyển sinh có yêu cầu.		x
4	02 bản sao công chứng Văn bằng và bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hoặc minh chứng ưu tiên miễn ngoại ngữ (với CKII). (nếu có)		x

STT	Hồ sơ	CKI	CKII
5	Ảnh Căn cước công dân.	x	x

Ghi chú:

- Đối tượng tuyển sinh chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế; Y tế công cộng, nếu văn bằng CKI, BSNT, văn bằng thạc sỹ không đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/Bộ môn trở lên.

- Đối tượng được xét miễn ngoại ngữ đầu vào Chuyên khoa II nộp minh chứng pháp lý (theo bảng tại mục 2.1.2 của thông báo này)

4. Dự kiến lệ phí tuyển sinh:

- Lệ phí tuyển sinh: CKII, CKI: 500.000đ/thí sinh.

Hồ sơ và lệ phí tuyển sinh không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

(Lệ phí tuyển sinh thí sinh đăng ký khi nộp hồ sơ trực tuyến)

- Hồ sơ hoàn thiện khi trúng tuyển xác nhận nhập học thí sinh nộp hồ sơ bản cứng theo quy định nhà trường. Nhà trường tiến hành hậu kiểm hồ sơ, thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu đã dự thi mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả, không xét nhập học. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Dự kiến thời gian, địa điểm nhận hồ sơ và thi tuyển/xét tuyển:

Nhận hồ sơ trực tuyến, tại website: <https://tssdh.hpmu.edu.vn/> kèm theo hướng dẫn chi tiết đăng kí hồ sơ tuyển sinh trực tuyến sau đại học năm 2026 đợt 1 .

* Đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, II.

- Thời gian nhận hồ sơ dự thi đợt 1 – lần 1: Từ 17/03 đến hết ngày 03/04/2026.

- Dự kiến thời gian Hội đồng tuyển sinh xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện/không đủ điều kiện dự thi: 06/04/2026 – 10/04/2026.

Dự kiến thời gian thi tuyển đợt 1 lần 1 vào: 18-19/04/2026.

Dự kiến công bố kết quả thi tuyển ngày: 22/04/2026.

Dự kiến thời gian thi tuyển đợt 1 lần 2 vào: 25-26/06/2026.

Dự kiến nhập học ngày: Từ tháng 6 – tháng 8.

6. Học phí và chính sách miễn giảm học phí.

- Học viên nhập học đóng học phí theo quy định nhà trường

- Học viên sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú chuyên khoa chuyên ngành tâm thần, lao, truyền nhiễm và hồi sức cấp cứu được miễn học phí hoàn toàn theo quy định Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Thông tin chi tiết quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển, thí sinh vui lòng xem tại website: www.hpmu.edu.vn hoặc Điện thoại: 0379.775.879

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các trường Đại học, CĐ & TC Y Dược;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu QLĐTSDH, VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

PHỤ LỤC 1:

Quy định chi tiết về văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học của
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Bảng quy đổi tương đương một số văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh

Loại văn bằng/chứng chỉ	Trình độ/Thang điểm	
	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
TOEFL iBT (<i>không chấp nhận home edition</i>)	30 – 45	46 – 93
TOEFL ITP	450 – 499	Không xét
IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
Cambridge Tests	B1 Preliminary B1 Business Preliminary Linguaskill Thang điểm: 140 – 159	B2 First B2 Business Vantage Linguaskill Thang điểm: 160 – 179
TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 – 399 Đọc: 275 – 384 Nói: 120 – 159 Viết: 120 – 149	Nghe: 400 – 489 Đọc: 385 – 454 Nói: 160 – 179 Viết: 150 – 179
Aptis ESOL	B1	B2
Chứng chỉ theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)	Bậc 3	Bậc 4
Versant English Placement Test (VEPT)	43 - 66	Không xét
Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Level 3
Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	43 - 58	59 - 75
Bằng đại học	Bằng đại học chuyên ngành Ngôn ngữ	Bằng đại học chuyên ngành Ngôn ngữ

2. Các đơn vị được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ

- Chứng chỉ ngoại ngữ cấp bởi các đơn vị quốc tế phải được Bộ GD&ĐT phê duyệt địa điểm tổ chức thi, và công nhận các cấp độ của chứng chỉ tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Cục Quản lý chất lượng công bố danh sách 38 đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cập nhật tháng 3/2025):

1. Trường Đại học Sư phạm TP HCM
2. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
3. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
5. Đại học Thái Nguyên
6. Trường Đại học Cần Thơ
7. Trường Đại học Hà Nội
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9. Trường Đại học Vinh
10. Trường Đại học Sài Gòn
11. Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
12. Trường Đại học Trà Vinh
13. Trường Đại học Văn Lang
14. Trường Đại học Quy Nhơn
15. Trường Đại học Tây Nguyên
16. Học viện An ninh Nhân dân
17. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18. Trường Đại học Công thương TP HCM
19. Trường Đại học Thương mại
20. Học viện Khoa học Quân sự
21. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
22. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM
23. Học viện Cảnh sát Nhân dân
24. Đại học Bách khoa Hà Nội
25. Trường Đại học Nam Cần Thơ
26. Trường Đại học Ngoại thương
27. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM
28. Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29. Trường Đại học Kinh tế TP HCM
30. Trường Đại học Lạc Hồng
31. Trường Đại học Đồng Tháp
32. Trường Đại học Duy Tân
33. Trường Đại học Phenikaa
34. Học viện Ngân hàng
35. Trường Đại học Kinh tế Tài chính - Marketing
36. Trường Đại học Thành Đông
37. Trường Đại học Mở TP HCM
38. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

3. Các giấy tờ cần nộp

Để đảm bảo tính pháp lý và phục vụ công tác hậu kiểm, từ năm 2025, các chứng chỉ/văn bằng ngoại ngữ do các đơn vị nước ngoài cấp cần dịch thuật và chứng thực trước khi nộp hậu kiểm, trừ các văn bằng/chứng chỉ đã có sẵn song ngữ tiếng nước ngoài và tiếng Việt.

Ngôn ngữ	Tên văn bằng / chứng chỉ	Văn bằng / chứng chỉ	Giấy xác nhận của trung tâm khảo thí/đơn vị cấp chứng chỉ (*)	Bảng điểm
Tiếng Anh	IELTS	Bản photo có chứng thực		
	APTIS ESOL VEPT PEIC PTE	Bản photo có dịch thuật và chứng thực		
	TOEIC TOEFL iBT TOEFL ITP Cambridge Tests	Bản photo có dịch thuật và chứng thực	Bản photo có chứng thực	
	Chứng chỉ theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)	Bản photo có chứng thực		
Tiếng Pháp	DELFI, TCF	Bản photo có dịch thuật và chứng thực		
	Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành ngoại ngữ	Bản photo có chứng thực		Bản photo có chứng thực

4. Một số lưu ý khác

- Nếu học viên nộp photo văn bằng/chứng chỉ không có dịch thuật và chứng thực như hướng dẫn, chứng chỉ sẽ coi như không hợp lệ.
- Học viên chú ý không nộp chứng chỉ gốc. Trong trường hợp nộp chứng chỉ gốc, nếu chứng chỉ thất lạc học viên tự chịu trách nhiệm.
- Giấy xác nhận của trung tâm khảo thí/đơn vị cấp chứng chỉ không bắt buộc phải nộp và giấy xác nhận này không có giá trị thay thế chứng chỉ. Do đó, nếu học viên chỉ nộp giấy xác nhận nhưng không nộp chứng chỉ, giấy xác nhận sẽ coi như không đủ điều kiện xét duyệt.
- Đối với bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành ngoại ngữ, học viên nộp kèm bảng điểm.
- Nếu học viên không chắc chắn liệu chứng chỉ mình đã thi hoặc sẽ thi có thuộc danh sách quy định hay không thì có thể liên hệ Ban Hậu kiểm để được giải đáp.
- Mọi thắc mắc về văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ vui lòng liên hệ: SĐT Hotline Trung tâm Ngoại Ngữ - Tin Học 0914.382.189.